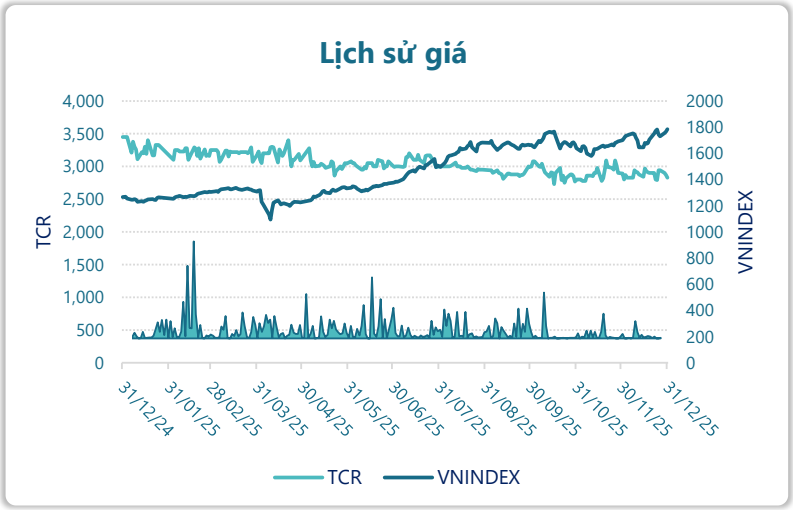
FireAnt

CTCP Công nghiệp Gốm Sứ Taicera (HSX: TCR)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**2,830**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	3,450
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	2,730
SL cổ phiếu LH	45,425,142
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,375
% sở hữu nước ngoài	44.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	129
P/E	11.0
EPS	258

DT thuần

Q4/25

238

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 14.0| 6.1%

YoY: ▼20.0| -7.9%

LN sau thuế

Q4/25

57.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 60.0| 2179%

YoY: ▲ 72.6| 471%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

4.3%

+/- YoY: ▲ 8.5%

DT thuần

2025

878

tỷ VNĐ

YoY: ▼31.0| -3.4%

LN sau thuế

2025

11.7

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 72.8| 119%

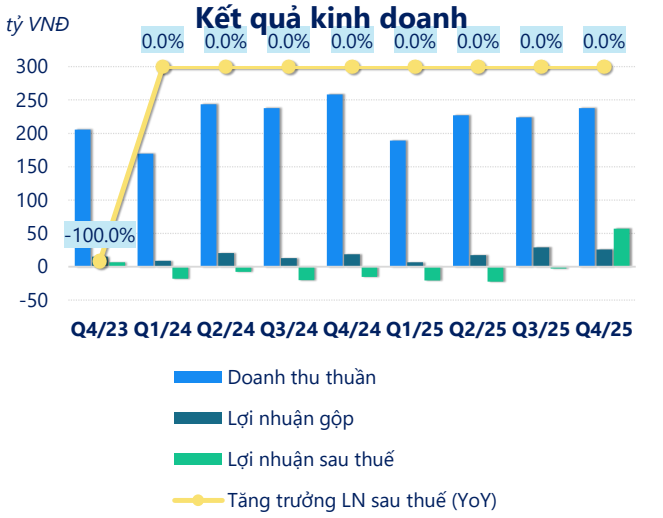
ROE

2025

3.2%

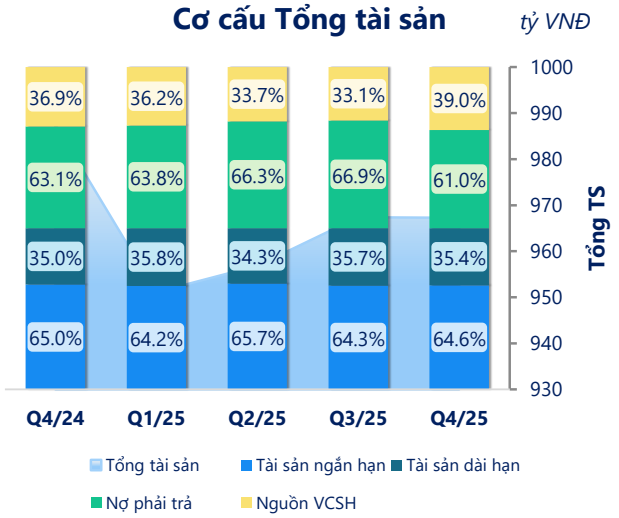
+/- YoY: ▲ 18.6%

Kết quả kinh doanh



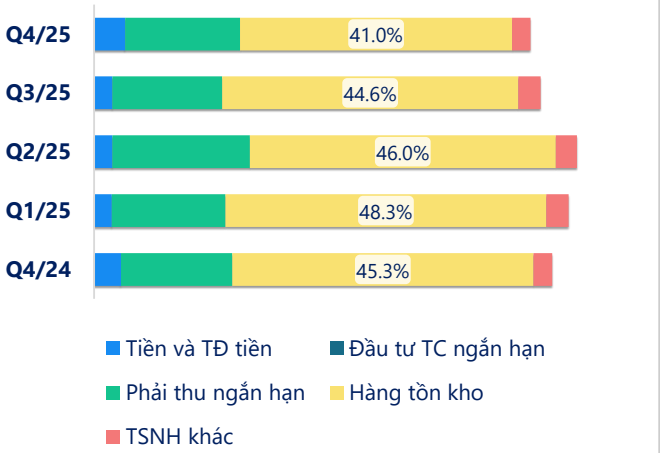
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



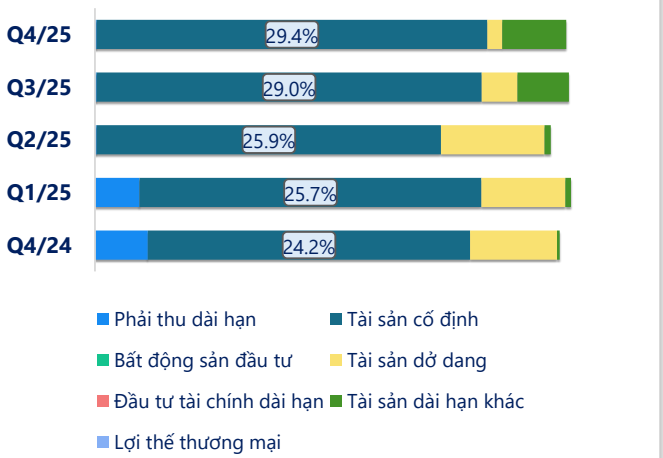
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



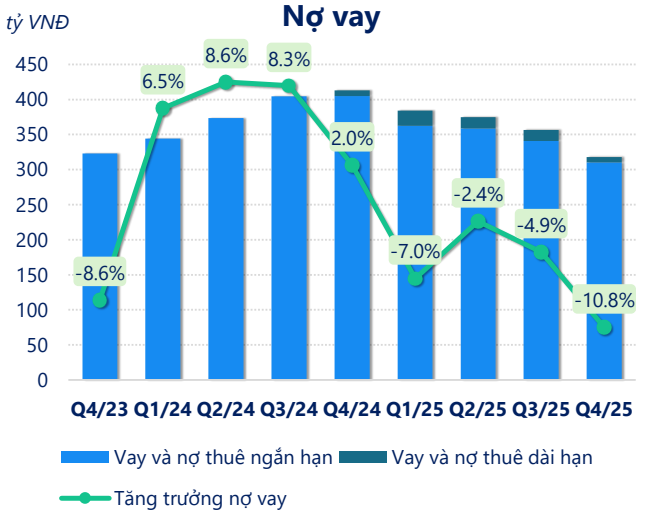
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



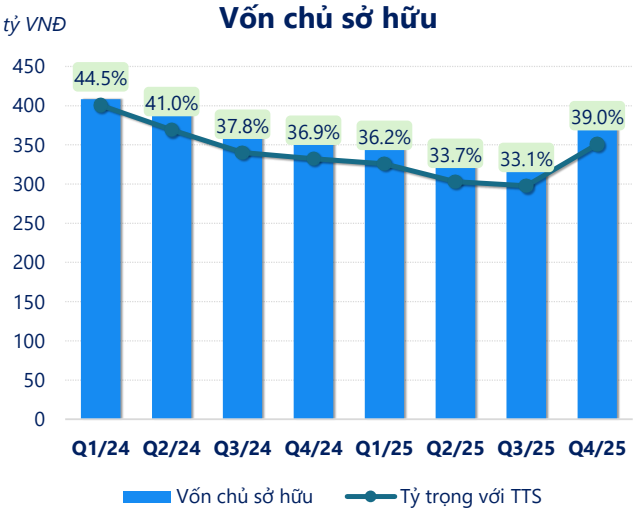
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



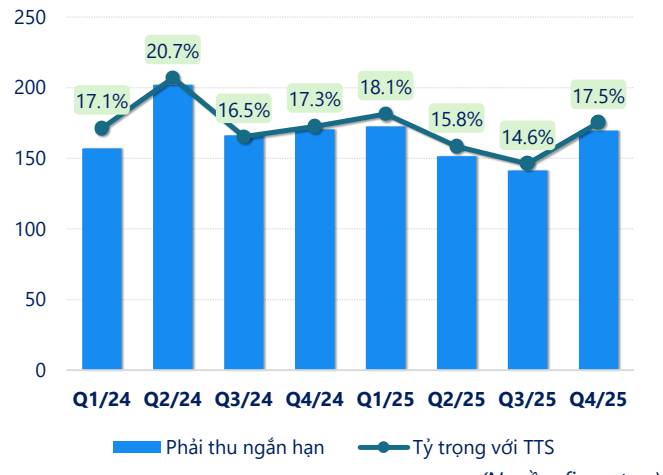
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



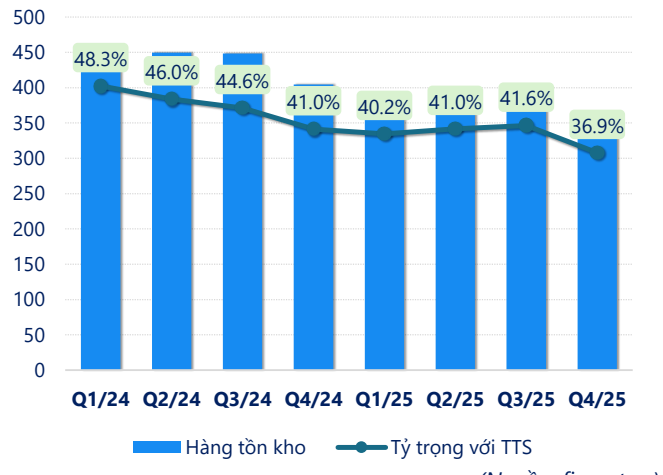
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



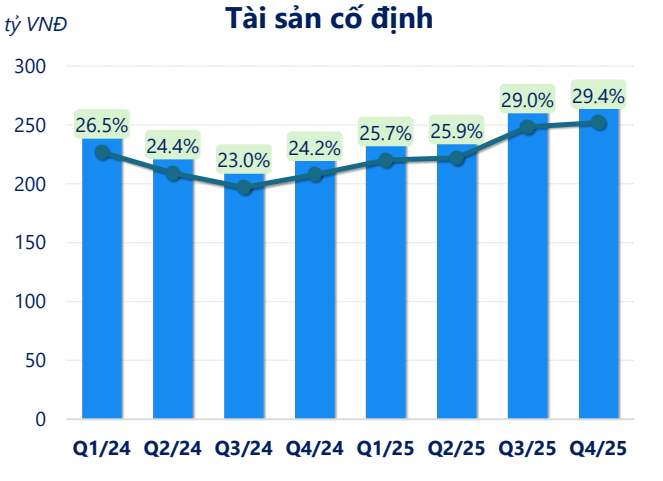
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



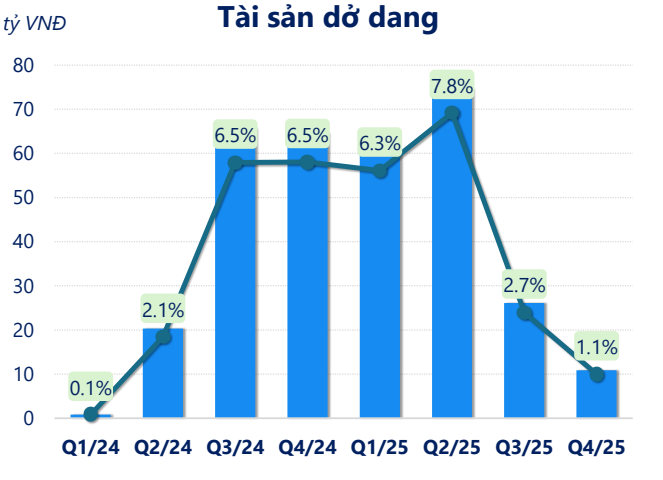
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



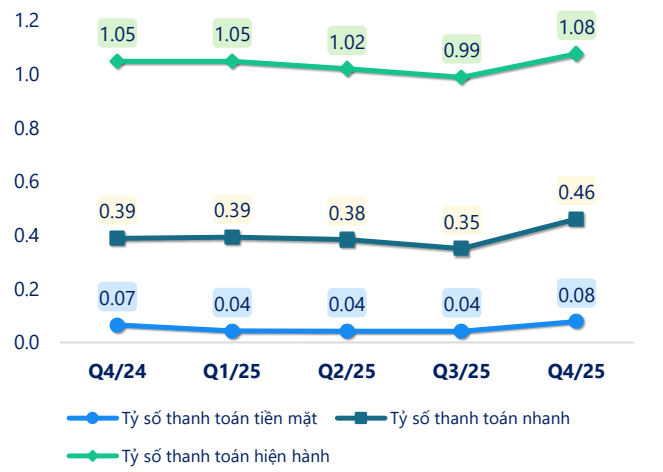
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



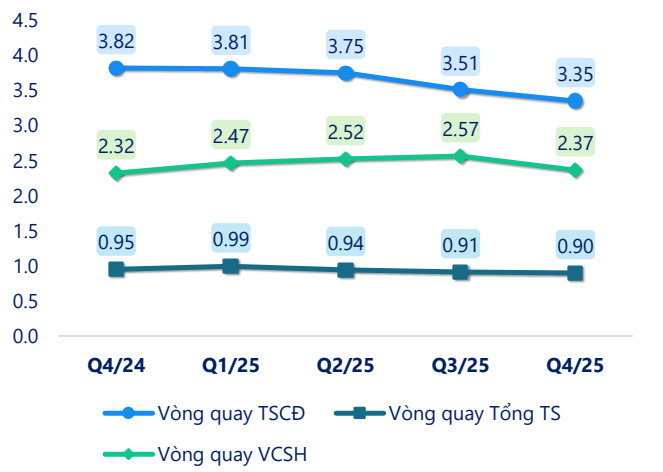
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**988**	**951**	**957**	**967**	**967**
Tài sản ngắn hạn	**642**	**611**	**629**	**622**	**624**
Tiền và tương đương tiền	39.9	25.1	26.2	26.4	45.4
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	26.2	26.2	30.6
Phải thu ngắn hạn	170	172	152	141	169
Hàng tồn kho	404	382	392	402	357
Tài sản ngắn hạn khác	27.3	31.0	32.5	26.4	21.7
Tài sản dài hạn	**345**	**341**	**328**	**345**	**343**
Phải thu dài hạn	39.3	32.0	1.22	1.14	1.14
Tài sản cố định	239	245	248	280	284
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	64.5	60.1	74.5	26.1	10.9
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	2.03	3.97	4.44	37.4	46.4
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**623**	**607**	**635**	**647**	**590**
Nợ ngắn hạn	**613**	**583**	**617**	**630**	**580**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	405	362	359	341	310
Phải trả người bán ngắn hạn	154	164	197	230	217
Nợ dài hạn	9.77	23.7	18.0	17.4	9.71
Vay và nợ thuê dài hạn	8.11	21.8	16.2	15.6	7.91
Nguồn vốn chủ sở hữu	**365**	**344**	**322**	**320**	**377**
Vốn chủ sở hữu	**365**	**344**	**322**	**320**	**377**
Vốn điều lệ	454	454	454	454	454
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)